



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO

KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG IX/2016



HÀ NỘI, THÁNG X/2016

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 144 trạm khí tượng và khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần, tháng do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn; nguyenson.imh@gmail.com

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IX/2016	3
1. Vùng Tây Bắc.....	3
2. Vùng Việt Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	7
5. Vùng Bắc Trung Bộ	8
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	12
9. Vùng Nam Bộ.....	13
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IX/2016	14
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X, XI, XII/2016.....	20
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	21
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO	21

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG IX/2016

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng IX/2016 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,2^{\circ}\text{C}$ đến $2,2^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ - 284mm đến 433mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -94 giờ đến 46 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -10% đến 6%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng IX/2016 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

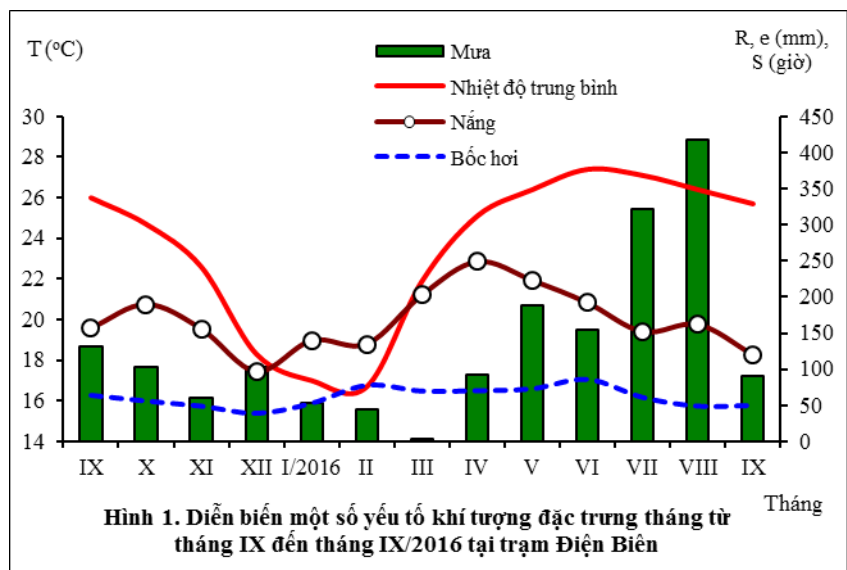
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,3$ đến $2,0^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $19,8^{\circ}\text{C}$ đến $28,1^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $17,5^{\circ}\text{C}$ đến $25,5^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $12,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 12/IX tại Sơn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $24,1^{\circ}\text{C}$ đến $33,0^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $37,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 28/IX tại Mường Tè. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng IX/2015 đến tháng IX/2016 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-284mm đến 47mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 84mm đến 282mm.



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Điện Biên

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 21mm đến 79mm, cao nhất là 91mm vào ngày 10/IX tại Tam Đường.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 10 đến 21 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 10 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 11 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng IX/2015 đến tháng IX/2016 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IX/2016 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -77 giờ đến -10 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 100 giờ đến 157 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2016 dao động từ 75% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -9% đến 4%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 31% xảy ra vào ngày 22/IX tại Yên Châu.

- Tổng lượng bốc hơi tháng IX/2016 có giá trị phổ biến từ 33mm đến 92mm, cao nhất là 118mm tại Sông Mã. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa từ 20mm đến 233mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 6mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 6 ngày, tuy nhiên chỉ có Yên Châu có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 2 đến 9 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng IX/2016 vùng Việt Bắc ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,3⁰C đến 1,8⁰C) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ 19,1⁰C đến 29,0⁰C;

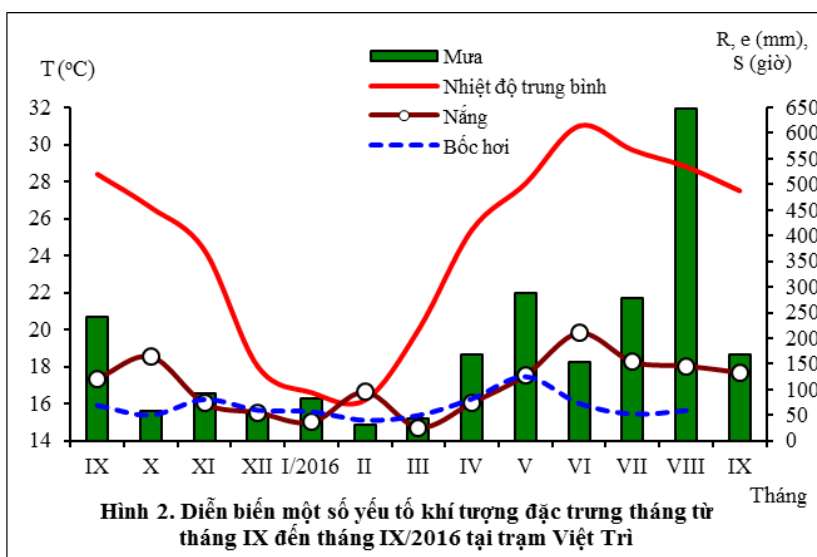
- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,1⁰C đến 26,8⁰C, nhiệt độ không khí thấp nhất là 13,5⁰C xảy ra vào ngày 23/IX tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,2⁰C đến 33,3⁰C, nhiệt độ

không khí cao nhất là 37,0°C xảy ra vào ngày 1/IX tại Việt Trì.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 110mm đến 442mm; một số khu vực có lượng mưa dưới 100mm như Yên Bái (79mm), Tuyên Quang (87mm). Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Việt Trì

trị TBNN từ -209mm đến 77 mm. Diễn biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng IX/2015 đến tháng IX/2016 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 24mm đến 111mm, cao nhất là 156mm xảy ra vào ngày 10/IX tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 9- 21 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 11 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 12 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2016 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 76 giờ đến 186 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-57 giờ đến 20 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2016 phổ biến từ 79 đến 89%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-5% đến 2%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 407%, xảy ra vào ngày 29/IX tại Hà Giang.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 35mm đến 111mm, và có giá trị ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-359mm đến -20mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2mm đến 6mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 3 ngày, một số khu vực như Bắc Quang chỉ có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 2 đến 10 ngày.

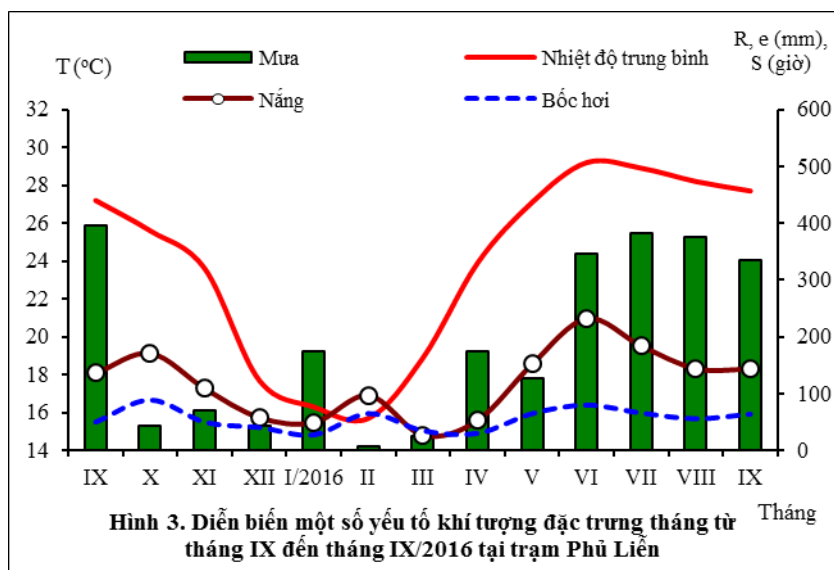
3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,7 đến 1,3⁰C); có giá trị dao động từ 24,7⁰C đến 28,9⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 30,2⁰C đến 33,3⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 32,2⁰C xảy ra vào ngày 27/IX tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 21,2⁰C đến 26,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 17,5⁰C xảy ra vào ngày 22/IX tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Phù Liên

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng IX/2016 dao động phổ biến từ 100mm đến 334mm, thấp nhất là 46mm tại Lạng Sơn, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -118mm đến 90mm (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 25 đến 154mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 6 - 17 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 17 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng IX/2016 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-94 giờ đến -10 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 127 giờ đến 181 giờ.

- Độ ẩm không khí trung bình tháng IX/2016 ở các nơi dao động phổ biến từ 80 đến 89%, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-4% đến 4%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 02/IX tại Trùng Khánh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 54mm đến 100mm. Ngoại trừ khu vực Lạng Sơn có lượng mưa thấp hơn lượng bốc hơi (-45mm) còn các khu vực khác có lượng bốc hơi ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-270mm đến -10mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 2 - 9mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 8 ngày, trong đó có 1 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 11 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 27,9⁰C đến 29,4⁰C, ở mức cao hơn giá trị TBNN (từ 0,6⁰C đến 2,2⁰C) (hình 10);

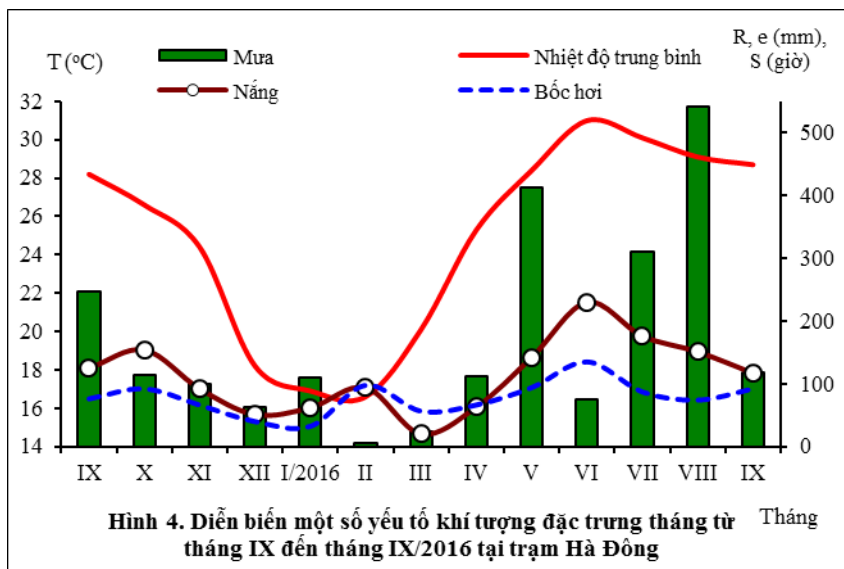
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,1⁰C đến 33,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 36,8⁰C xảy ra vào ngày 1/IX tại Phủ Lý;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 25,1⁰C đến 26,9⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,0⁰C xảy ra vào ngày 11/IX tại Nam Định. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-183mm đến -69mm, hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 118mm đến 294mm.

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 30mm đến 91mm, cao nhất là 176mm xảy ra vào ngày 6/IX tại Hưng Yên; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 11 đến 16 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 10 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Hà Đông

được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2016 ở các nơi trong vùng dao động từ 112 giờ đến 155 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -62 giờ đến -28 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 75% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ (-10% đến -3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 38% xảy ra vào ngày 9/IX tại Hà Đông.

- Lượng bốc hơi vùng đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 56mm đến 98mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -251mm đến -26mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 4 ngày với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 4 đến 11 ngày;

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,5⁰C đến 1,3⁰C (hình 10) và có giá trị từ 26,7⁰C đến 27,9⁰C.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,8⁰C đến 32,1⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,0⁰C xảy ra vào ngày 9/IX tại Con Cuông.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,2⁰C đến 25,5⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,8⁰C xảy ra vào ngày 22/IX tại Hội Xuân. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng IX/2016, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 267mm đến 952mm. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-272mm đến 420mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 56 đến 214mm, cao nhất là 346mm, xảy ra vào ngày 4/IX tại Hội Xuân.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 12 - 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 13 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 5 ngày.

Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

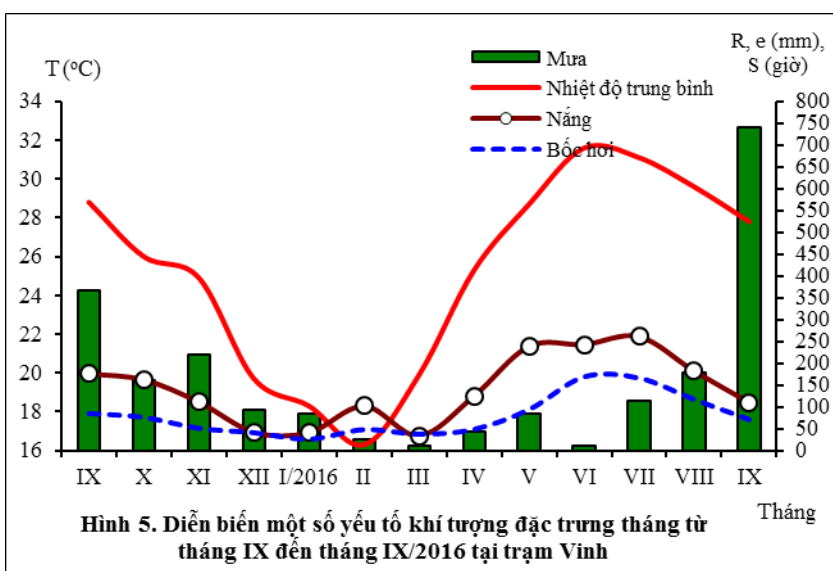
5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 100 đến 151 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -61 giờ đến -10 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 81% đến

92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-3% đến 4%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 40% xảy ra vào ngày 01/IX tại Con Cuông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 37mm đến 72mm; lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 9mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-890mm đến -224mm).



5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 3 ngày với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 3 đến 17 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2016 từ 24,6⁰C đến 28,6⁰C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,7⁰C đến 1,5⁰C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

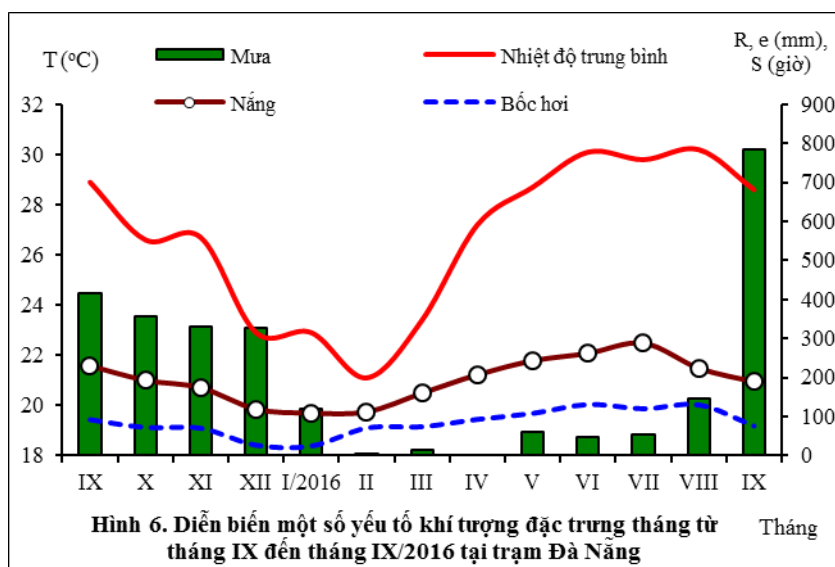
- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,3⁰C đến 33,7⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 33,3⁰C xảy ra vào ngày 2/IX tại Quảng Ngãi.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 21,9⁰C đến 25,8⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 20,5⁰C xảy ra vào ngày 17/IX tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng IX/2016 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 295mm đến 839mm. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-150mm đến 433mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 80mm đến 308mm.



- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 13 đến 22 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 117 giờ đến 205 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-41 giờ đến 14 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 81% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -2% đến 6%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 47% xảy ra vào ngày 9/IX tại Đông Hà.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 45mm đến 83mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 7mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-785mm đến -214mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 8 ngày, với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 6 đến 18 ngày.

7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

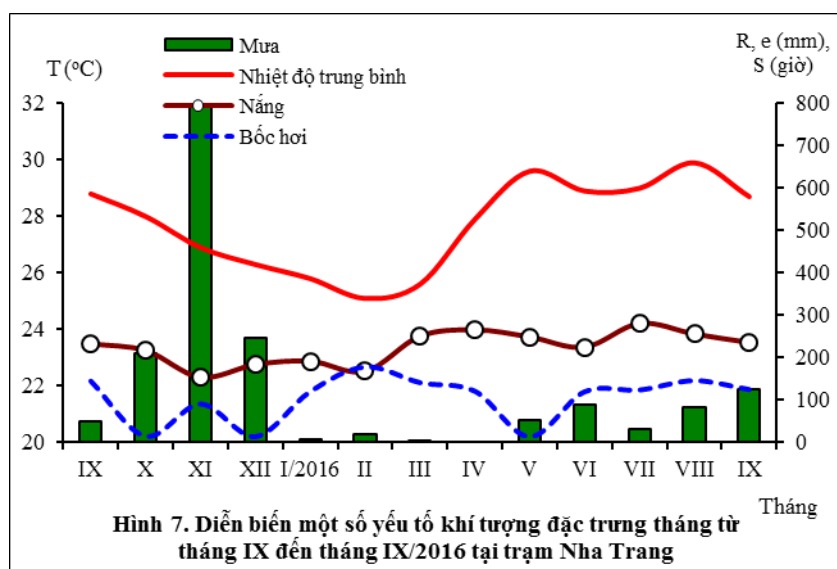
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2016 từ 27,3°C đến 29,8°C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,9 đến 1,6°C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,2⁰C đến 34,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,7⁰C xảy ra vào ngày 10/IX tại Tuy Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 24,6⁰C đến 27,5⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,2⁰C, xảy ra vào ngày 2IX tại Hàm Tân. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang được thể hiện trên hình 7.

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng IX/2016, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 53mm đến 328mm, cao nhất là 631mm tại Hoài Nhơn. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -139mm đến 117mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Nha Trang được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Nha Trang

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 20mm đến 114mm, cao nhất là 239mm xảy ra vào ngày 12/IX tại Hoài Nhơn. Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 11 đến 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 14 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 2 đến 9 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2016 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 195 giờ đến 249 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 50 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 76% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -6% đến 1%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 42% xảy ra vào ngày 15/IX tại Cam Ranh.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 80mm đến 131mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 10mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-36mm đến 218mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

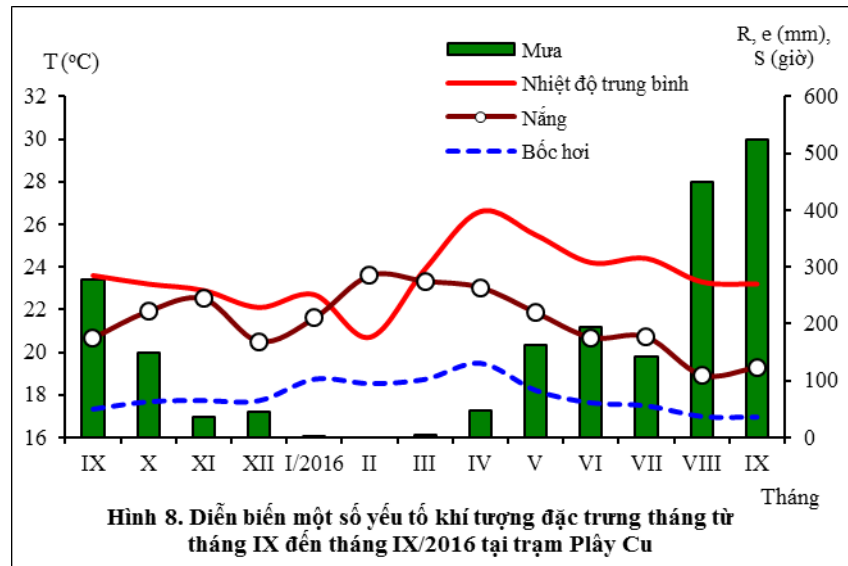
- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 8 ngày, trong đó một vài nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 4 đến 14 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2016 từ $19,4^{\circ}\text{C}$ đến $27,6^{\circ}\text{C}$; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,6^{\circ}\text{C}$ đến $1,7^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ $24,1^{\circ}\text{C}$ đến $32,3^{\circ}\text{C}$; giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $34,4^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 1/IX tại Ayunpa.



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Plây Cu

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $16,9^{\circ}\text{C}$ đến $24,9^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $15,2^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 26/IX tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2016 dao động từ 115mm đến 524mm, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -152mm đến 208mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 38mm đến 129mm. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 3 đến 21 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 26 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2016 phổ biến từ 109 giờ đến 189 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-34 giờ đến 35 giờ)

(hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -1% đến 2%) (hình 13), có giá trị phổ biến từ 80% đến 91%; độ ẩm không khí thấp nhất là 50% xảy ra vào ngày 01/IX tại Liên Khương.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 32mm đến 93mm. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-488mm đến -205mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 3 đến 20 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng IX/2016 từ 26,4°C đến 28,4°C, phổ biến ở mức cao hơn giá trị TBNN (0,3°C đến 1,6°C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 29,5°C đến 33,8°C, giá trị nhiệt độ không khí

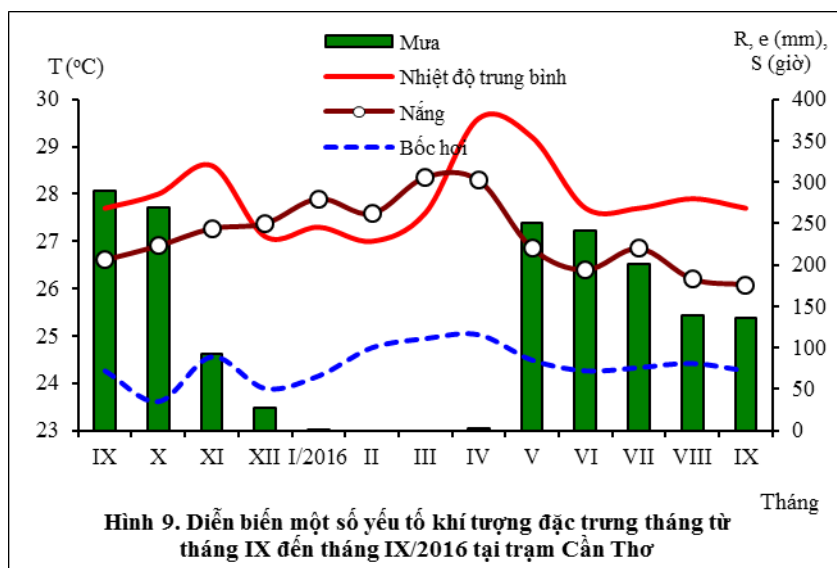
cao nhất là 36,0°C xảy ra vào ngày 01/IX tại Tân Sơn Nhất.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,7°C đến 26,2°C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,2°C xảy ra vào ngày 3/IX tại Cần Thơ. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng IX/2016 dao động phổ biến từ 136mm đến 500mm, cao nhất là 697mm tại Biên Hòa; ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-137 giờ đến 272 giờ).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 29mm đến 189mm.



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng IX đến tháng IX/2016 tại trạm Cần Thơ

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 18 đến 25 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 18 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 6 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng IX/2016 phổ biến từ 106 giờ đến 210 giờ, ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-75 giờ đến 26 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% đến 88%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-9% đến 3%) (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 47% xảy ra vào ngày 2/IX tại Tân Sơn Nhất.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 47mm đến 90mm, (hình 14); lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 5mm; lượng bốc hơi tháng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-423mm đến -64mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 5 ngày với cường độ nhẹ.

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 5 đến 22 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG IX/2016

Điều kiện khí tượng nông nghiệp trong tháng IX nhìn chung thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng, phát triển cũng như thuận lợi cho các hoạt động đồng ruộng. Mưa, nắng và nhiệt độ hài hòa trên các vùng, xấp xỉ hoặc dao động quanh giá trị trung bình và nằm trong ngưỡng thuận lợi đối với cây trồng

Các tỉnh miền Bắc đang tập trung chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ lúa và các cây rau, màu vụ mùa/hè thu. Một số nơi đã bắt đầu thu hoạch lúa mùa. Thời tiết trong tháng thuận lợi cho lúa mùa đang trong thời kỳ ngậm sữa, chắc xanh cũng như thuận lợi cho thu hoạch lúa mùa.

Các địa phương miền Nam tập trung thu hoạch nhanh gọn lúa hè thu, tiếp tục gieo cấy lúa thu đông/mùa và gieo trồng rau, màu cây công nghiệp ngắn ngày vụ hè thu/mùa.

1. Đối với cây lúa

- Lúa mùa: Tính đến cuối tháng IX, cả nước đã gieo cấy đạt 1.509,4 ngàn ha lúa mùa, bằng 87,7% so với cùng kỳ năm trước. Phần lớn diện tích lúa mùa tập trung ở các tỉnh miền Bắc với 1.145,6 ngàn ha diện tích gieo cấy, trong

đó Đồng bằng sông Hồng đã cơ bản kết thúc gieo cấy, diện tích gieo cấy đạt 548 ngàn ha. Nguyên nhân chính của sự sụt giảm là do thời tiết nắng hạn, thiếu nước vào đầu vụ, đến thời điểm gieo cấy lại chịu ảnh hưởng của 3 cơn bão liên tiếp khiến một số diện tích lúa mùa bị ngập nặng, không thể phục hồi nên các địa phương đã chủ động chuyển đổi sang cây trồng khác hoặc nuôi trồng thủy sản.

Đến nay lúa mùa tại các địa phương phía Bắc đang trong giai đoạn trổ bông, trà lúa sớm đang trong giai đoạn vào chắc và chín, diện tích đã cho thu hoạch đạt gần 102 ngàn ha. Theo đánh giá sơ bộ, lúa mùa các tỉnh ĐBSH do ảnh hưởng của cơn bão số 1, 2 và 3 gây ngập úng cục bộ, một số diện tích phải cấy dặm nên ảnh hưởng đến sinh trưởng, năng suất lúa một số địa phương giảm sâu như Vĩnh Phúc (-10 tạ/ha), Quảng Ninh (-2,6 tạ/ha), Hà Nam (-1 tạ/ha). Nếu điều kiện thời tiết thuận lợi và không bị ảnh hưởng của sâu bệnh thì năng suất lúa mùa miền Bắc ước đạt xấp xỉ cùng kỳ; Sản lượng ước đạt 5,8 triệu tấn, giảm 36,6 ngàn tấn (-0,6%) so vụ mùa 2015.

Các tỉnh miền Nam đang tiếp tục gieo cấy, tính đến cuối tháng IX diện tích gieo cấy đạt 363,6 ngàn ha, tiến độ gieo cấy chỉ bằng 65,6% so với cùng kỳ năm trước do một số tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long như Trà Vinh xuống giống trễ hơn cùng kỳ 1 tháng.

- Lúa hè thu: Tính đến cuối tháng, diện tích gieo cấy lúa hè thu cả nước ước đạt 2.087 ngàn ha, trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Nam, đạt 1.927 ngàn ha, giảm 0,4% cùng kỳ năm trước, riêng vùng ĐBSCL đạt 1.661 ngàn ha, giảm 0,4% so với cùng kỳ. Hiện các địa phương miền Nam đã thu hoạch đạt gần 1.611,6 ngàn ha, bằng 91,3% cùng kỳ năm trước và chiếm 84% diện tích xuống giống, trong đó vùng ĐBSCL thu hoạch đạt 1.353,1 ngàn ha, bằng 87,2% cùng kỳ và chiếm 81% diện tích đã gieo trồng. Năng suất ước tính bình quân trên diện tích thu hoạch đến thời điểm này của các tỉnh phía Nam đạt khoảng 55,5 tạ/ha.

- Lúa thu đông: Tính đến cuối tháng IX, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống đạt 673,8 ngàn ha lúa thu đông, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước do các địa phương đã chủ động mở rộng diện tích ở những vùng có đê bao. Tỉnh đứng đầu về diện tích xuống giống là An Giang, đạt gần 175 ngàn ha, tiếp theo là Đồng Tháp hơn 148 ngàn ha. Kết quả này phù hợp với chủ trương tăng diện tích thu đông của ngành nông nghiệp. Đến nay, diện tích lúa thu đông đã thu hoạch đạt 187 ngàn ha, đạt 28% diện tích xuống giống. Ước tính năng suất lúa trên diện tích cho thu hoạch ước đạt 53,4 tạ/ha, tăng 0,9 tạ/ha so cùng kỳ.

Tháng IX là tháng cuối mùa mưa ở các tỉnh phía Bắc và Tây Nguyên, Nam Bộ nhưng là tháng mưa nhiều ở các tỉnh vùng Miền Trung. Các đợt mưa lớn trong tháng IX đã gây thiệt hại nặng nề đến sản xuất nông nghiệp ở nhiều vùng trên cả nước. Cụ thể:

Đầu tháng IX, mưa lớn xảy ra ở một số tỉnh vùng trung du và miền núi phía Bắc làm hư hại 600ha lúa và hoa màu

Đặc biệt cơn bão số 4 xảy ra ngày 12/IX đã gây mưa lớn ở các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên. Lượng mưa trong 3 ngày (ngày 12 đến ngày 14 tháng IX) đo được tại Đà Nẵng là 443mm; Nam Đông (Thừa Thiên Huế): 427mm; Hoài Nhơn (Bình Định): 334mm; Hội An (Quảng Nam): 312mm.... Bão số 4 đã gây thiệt hại về

- Về nông nghiệp:

+ Lúa bị ngập, đổ (thiệt hại chủ yếu dưới 30%): 16.293 ha, trong đó: Thanh Hóa: 805,60; Nghệ An: 8.790,82; Hà Tĩnh: 5.113; Quảng Bình: 1.014,7; Quảng Trị: 282; Huế: 24; Đà Nẵng: 42,5; Quảng Ngãi: 154; Gia Lai: 66,38;

+ Hoa màu bị ngập, thiệt hại: 6.127,31 ha (Thanh Hóa: 62,8; Nghệ An: 4.989,26; Hà Tĩnh: 118; Quảng Bình: 380,25; Quảng Trị: 132; Huế: 105; Quảng Ngãi: 340); Cây trồng lâu năm bị thiệt hại: 94,4ha; Cây trồng hằng năm bị thiệt hại 2.635,64ha; Cây bóng mát và cây xanh đô thị bị đổ, gãy: 1.705cây.

- Về chăn nuôi: 242 con gia súc, 13.406 con gia cầm bị chết, cuốn trôi.

- Về thủy sản: 1.815,91 ha nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại, 6 tàu thuyền bị chìm.

Vào cuối tháng IX do ảnh hưởng của không khí lạnh đã gây mưa lớn ở vùng Bắc Trung Bộ. Lượng mưa trong 3 ngày từ ngày 21-24/IX lượng mưa đo được tại Hà Tĩnh là: 485mm, Hương Khê: 457mm; Quảng Trị: 510mm; Huế: 420mm... đợt mưa lớn đã làm thiệt hại:

- Hà Tĩnh: 900ha lúa, hoa màu và cây ăn quả bị thiệt hại

- Quảng Bình: 59,5 ha lúa bị ngập; 4.850 con gia cầm bị chết

- Thừa Thiên Huế: 5,5ha lúa, 35 ha hoa màu bị ngập úng

Bảng 10. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng IX/2016

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn búp hái	Khá	Quá ẩm	
2		Điện Biên	Lúa mùa chắc xanh	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa chín hoàn toàn	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè ngậm sữa	TB	ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa mùa trở bông	Khá	4cm	
6		Lạng Sơn	Lúa mùa mọc dón	TB	4cm	
7		Bắc Giang	Lúa mùa trở bông	Khá	4cm	
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn búp hái	TB	ẩm	
9		Ba Vì	Chè lớn nảy chồi	TB	Quá ẩm	
10	Đồng bằng sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa chắc xanh	TB	3cm	
11		Hoài Đức	Cam ra lá mới	TB	Quá ẩm	
12			Lúa mùa chắc xanh	Khá	3cm	
13			Ngô chín hoàn toàn	TB	Quá ẩm	
14			Hải Dương	Lúa mùa ngậm sữa	Khá	4cm
15		Hưng Yên	Lúa mùa trở bông	Khá	4cm	
16		Nam Định	Lúa mùa ngậm sữa	Khá	16cm	Sâu đục thân rất nhẹ <10%
17		Ninh Bình	Lúa mùa trở, ngậm sữa	TB	4cm	
18		Thái Bình	Lúa mùa ngậm sữa	Khá	25cm	
19	Bắc Trung Bộ		Lạc hình thành quả	Kém	Quá ẩm	
20			Yên Định	Đậu t ₁ ong ra quả	kém	Quá ẩm
21		Thanh Hoá	Lúa mùa chín hoàn toàn	Khá	4cm	
22		Quỳnh Lưu	Thu hoạch lúa hè thu			
23		Đô Lương	Lúa hè thu chín hoàn toàn	TB	3cm	
24	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa hè thu chắc xanh	TB	ẩm	
25	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Chuyển vụ			
26		An Nhơn	Chuyển vụ			
27	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	ẩm	

28	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê quả chín	TB	Quá ẩm	
29		Trà Nóc	Lúa hè thu chín hoàn toàn	TB	4cm	
30		Mỹ Tho	Gieo lúa mùa			
31		Bạc Liêu	Thu hoạch, lúa hè thu, lúa mùa lá thứ 5, để nhánh	Khá	11cm	Chuột phá nhẹ

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

- **Cây hàng năm:** Do ảnh hưởng của nắng nóng, hạn hán kéo dài nên kết quả gieo trồng các loại màu lương thực chủ lực trong IX tháng đầu năm nay thấp hơn so với cùng kỳ. Cụ thể, tính đến cuối tháng diện tích gieo trồng ngô đạt 1.049,8 ha, giảm nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước, diện tích khoai lang đạt 116,1 ngàn ha, giảm 2,4%; sắn đạt xấp xỉ 423 ngàn ha, giảm 12%.

Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày cả nước đạt 485,3 ngàn ha, giảm 12,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích lạc ước đạt 189,9 ngàn ha, tương đương với cùng kỳ; diện tích đậu tương đạt 76,1 ngàn ha, bằng 79,2% cùng kỳ năm trước; thuốc lá đạt 18,6 ngàn ha, bằng 69,3% cùng kỳ; mía đạt 157,3 ngàn ha, giảm 18,3% và diện tích rau, đậu các loại 912,2 ngàn ha, tăng 9,1 % so với cùng kỳ năm trước.

- **Cây lâu năm:** Tổng diện tích gieo trồng cây lâu năm 9 tháng đầu năm tăng 0,69% so năm 2015, trong đó nhóm cây ăn quả tăng 2,69%; nhóm cây gia vị giảm 3,44%; các nhóm cây khác đều tăng nhẹ.

Cây ăn quả: Một số cây trồng do có thị trường tiêu thụ tốt nên sản lượng tăng nhẹ, sản lượng chuối ước tăng 1,3%; sản lượng dứa tăng 0,3%; sản lượng xoài tăng 0,7%. Nhóm cây có múi (cam, quýt, bưởi) sản lượng và diện tích ổn định do không bị ảnh hưởng nhiều từ thời tiết, hạn hán, sản lượng cam ước tăng 4%; sản lượng bưởi tăng 0,5%. Sản lượng nhãn giảm 1,5%;, vải giảm 13%; và chôm chôm giảm nhẹ giảm 2,4% so cùng kỳ do thời tiết không thuận lợi và diện tích cho sản phẩm giảm.

Cây công nghiệp lâu năm: Trong những năm gần đây các địa phương tiếp tục phát triển các giống chè, hồ tiêu cho năng suất, chất lượng cao;

Trong năm 2016, do nhiều diện tích cây lâu năm đến kỳ cho sản phẩm nên sản lượng các cây trồng vẫn đạt khá. Sản lượng chè 9 tháng ước đạt 853 nghìn tấn, tăng 3%; sản lượng hồ tiêu đạt 192,9 nghìn tấn, tăng 9%; sản lượng cao su đạt 643 nghìn tấn, tăng 0,4%; sản lượng điều đạt 301 nghìn tấn, bằng 85% so cùng kỳ.

Tại Hoài Đức ngô chín hoàn toàn, sinh trưởng trung bình trên nền đất quá ẩm. Cam ra lá mới, sinh trưởng trung bình trên nền đất quá ẩm.

Lạc và đậu tương ở Yên Định đang ra quả, sinh trưởng kém do quá ẩm và mưa lớn làm chết cây.

Chè lớn búp hái ở Mộc Châu, Phú Hộ; nảy chồi ở Ba Vì. Chè sinh trưởng trung bình đến khá trên nền đất ẩm đến quá ẩm (bảng 10).

Cà phê Eakmat trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt trên nền đất ẩm. Cà phê quả chín ở Xuân Lộc, sinh trưởng trung bình trong điều kiện đất quá ẩm.

3. Tình hình sâu bệnh trên lúa

Theo báo cáo của Cục Bảo vệ thực vật, trong tháng IX tại tỉnh Sơn La và Bắc Kạn, do ảnh hưởng của dịch châu chấu với diện tích bị hại là 38,9 ha, trong đó, bị mất trắng là 6,9 ha. Một số dịch có diện tích nhiễm lớn nhưng không có diện tích mất trắng như bạc lá hại lúa tăng 68.796 ha, khô vằn hại lúa tăng 33.529 ha so với cùng kỳ năm trước. Các dịch còn lại có diện tích nhiễm dưới 10.000 ha.

Chi tiết một số sâu bệnh chính gây hại trên lúa trong tháng như sau:

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: Tổng diện tích nhiễm 16.841 ha, diện tích nhiễm nặng 938 ha, dịch tập trung chủ yếu tại phía Bắc, duyên Hải Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

- Sâu cuốn lá nhỏ: Gây hại chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc và đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 332.719 ha, diện tích nhiễm nặng 164.812 ha.

- Đạo ôn lá hại chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 17.870 ha, nặng 421 ha

- Đạo ôn cổ bông hại chủ yếu tại các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích nhiễm 21.742 ha, nặng 226 ha.

- Chuột: Tổng diện tích hại 16.495 ha, nặng 1.404 ha. Chuột hại tại các tỉnh phía Bắc, duyên hải Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long

- Bệnh bạc lá: Tổng diện tích nhiễm 88.021 ha, nặng 10.703 ha. Bệnh tập trung tại các tỉnh phía Bắc và đồng bằng sông Cửu Long.

- Khô vằn: Bệnh xuất hiện ở các tỉnh phía Bắc, duyên hải Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích 196.618 ha, nặng 17.926 ha.

- Bệnh đen lép hạt: Diện tích nhiễm 31.945 ha, nặng 374 ha tập trung tại Bắc Trung Bộ, đồng bằng sông Cửu Long.

- Sâu đục thân: Tổng diện tích 32.646 ha, trong đó diện tích nhiễm sâu non 4.291 ha, sâu non gây hại chủ yếu tại các tỉnh phía Bắc, duyên hải Nam Trung Bộ và đồng bằng sông Cửu Long; diện tích nhiễm trứng 28.355 ha, tập trung tại

các tỉnh Bắc Bộ.

- Nhện gié hại rải rác Quảng Trị, Huế và đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích 5.884,5 ha, nặng 65,6 ha.
- Ốc bươu vàng hại lúa với diện tích 4.511 ha, tập trung chủ yếu ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.
- Bệnh VL-LXL: Diện tích hại 10,3 ha. Bệnh xuất hiện ở Sóc Trăng, Lai Châu.
- Vàng lá hại rải rác ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long với tổng diện tích 5.312 ha.

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG X, XI, XII/2016

3.1. Nhiệt độ

Nhiệt độ mùa tháng X-XII/2016 có khả năng lớn hơn TBNN từ 0,5 đến 1,5°C ở phần lớn diện tích cả nước, với xác suất từ 55 đến trên 77%.

2.2. Lượng mưa

Lượng mưa mùa IX-XI/2016 có khả năng ở mức xấp xỉ đến cao hơn TBNN ở phía Nam (từ Quảng Trị trở vào), với xác suất từ 55 đến 77%. Ngược lại, lượng mưa thấp hơn TBNN ở các tỉnh phía Bắc (từ Quảng Trị trở ra), với xác suất từ 55 đến 77%. Chuẩn sai lượng mưa mùa X-XII/2016 phổ biến dao động từ -200 đến 200mm.

2.3. Hiện tượng cực đoan

Xoáy thuận nhiệt đới: Số lượng XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền nước ta ở mức xấp xỉ TBNN. Nhiều khả năng, XTNĐ sẽ tập trung ảnh hưởng đến khu vực Trung-Nam Trung Bộ trong mùa X-XII/2016.

Không khí lạnh: số đợt KKL ảnh hưởng đến nước ta có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN. Tuy nhiên, nhiều khả năng sẽ xuất hiện những đợt KKL có cường độ rất mạnh gây nhiệt độ xuống thấp ở khu vực Bắc Bộ trong mùa X-XII/2016.

Mưa lớn: Khu vực Trung-Nam Trung Bộ, có khả năng xuất hiện nhiều đợt mưa lớn do ảnh hưởng của KKL kết hợp với XTNĐ;

Khô hạn: Các khu vực Bắc Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ cần đề phòng khả năng thiếu nước và khô hạn trong mùa X-XII/2016.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng IX, trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng X/2016 và dự báo khí hậu 3 tháng X, XI và XII/2016 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tập trung thu hoạch lúa mùa sớm và trung vụ;
- Tập trung làm đất gieo trồng rau màu và các cây vụ đông: ngô, đậu tương, khoai tây, khoai lang;
- Tăng cường các biện pháp phòng trừ sâu bệnh, đặc biệt đối với bệnh lùn sọc đen và sâu cuốn lá nhỏ;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét ở những địa hình dốc cao.

2. Miền Trung

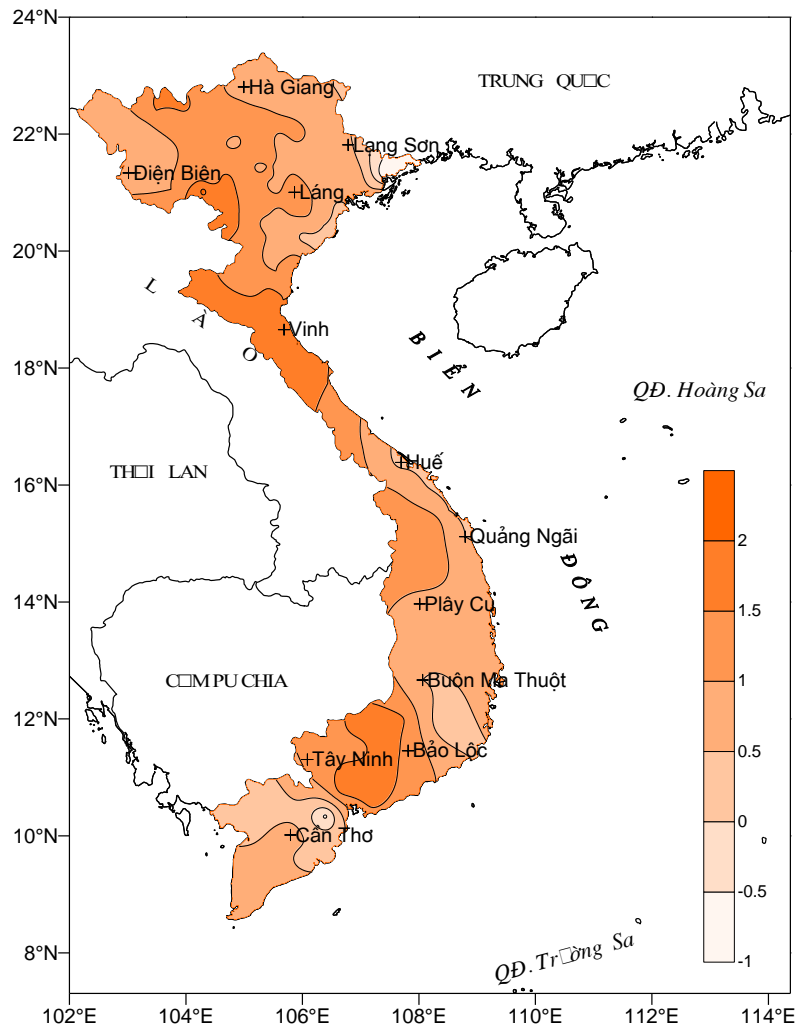
- Tập trung thu hoạch lúa mùa và làm đất gieo trồng các cây vụ đông;
- Tập trung khắc phục hậu quả do mưa lũ gây ra;
- Sẵn sàng các biện pháp ứng phó với bão, lũ, đề phòng lũ ống và lũ quét, sạt lở đất ở những khu vực miền núi và những nơi có địa hình dốc cao.

3. Miền Nam

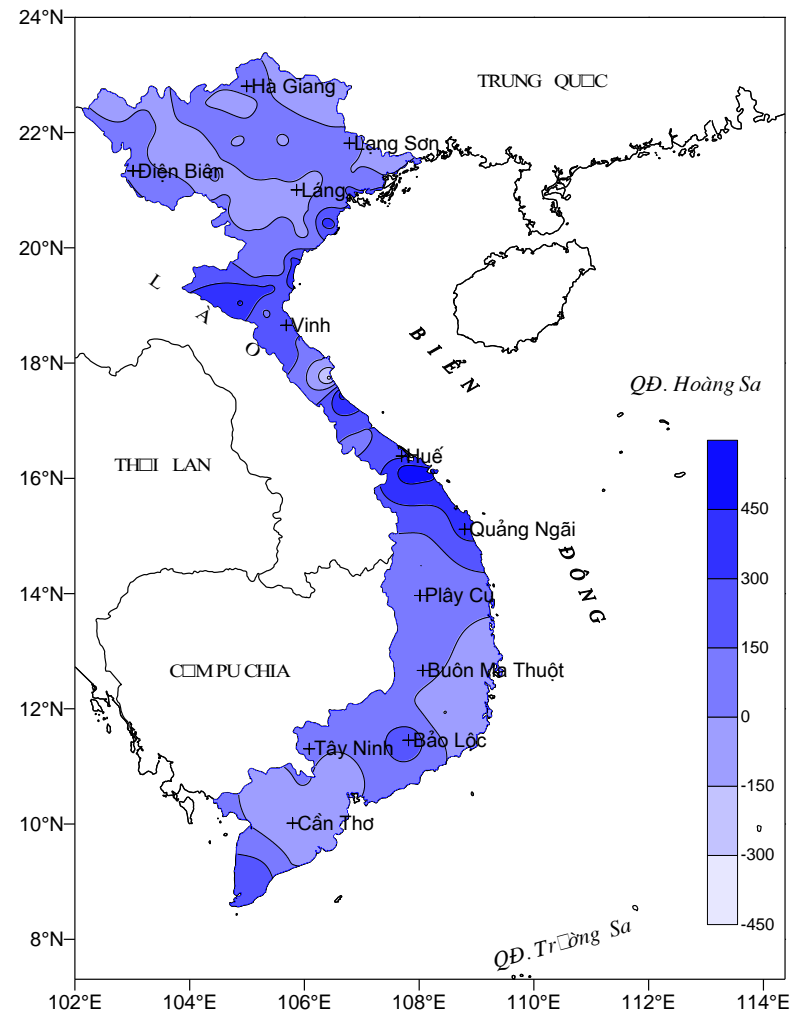
- Tập trung chăm sóc lúa mùa;
- Tăng cường các biện pháp chống úng do mưa bão và triều cường;
- Diệt trừ các loại sâu hại lúa đặc biệt là rầy nâu, bệnh đạo ôn, sâu cuốn lá nhỏ và bệnh lem lép hạt.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

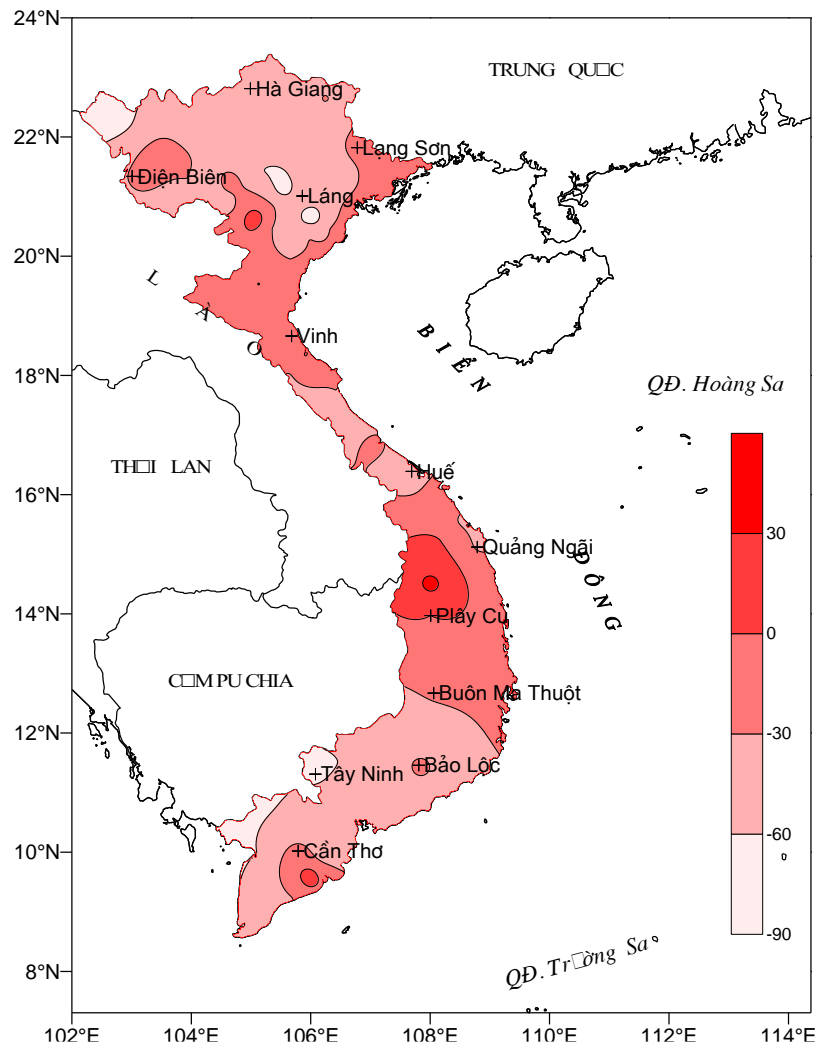
1. Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng X-XII năm 2016;
2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng X năm 2016 các khu vực trên phạm vi cả nước;
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng IX năm 2016 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



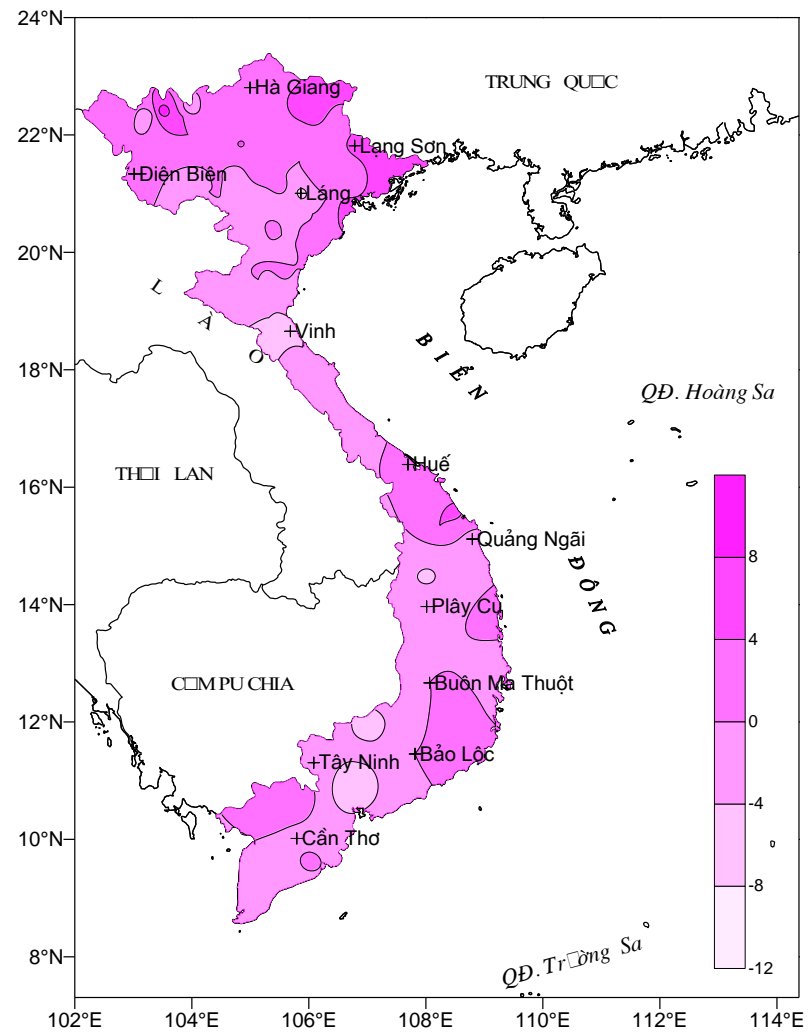
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng IX/2016 so với TBNN (°C)



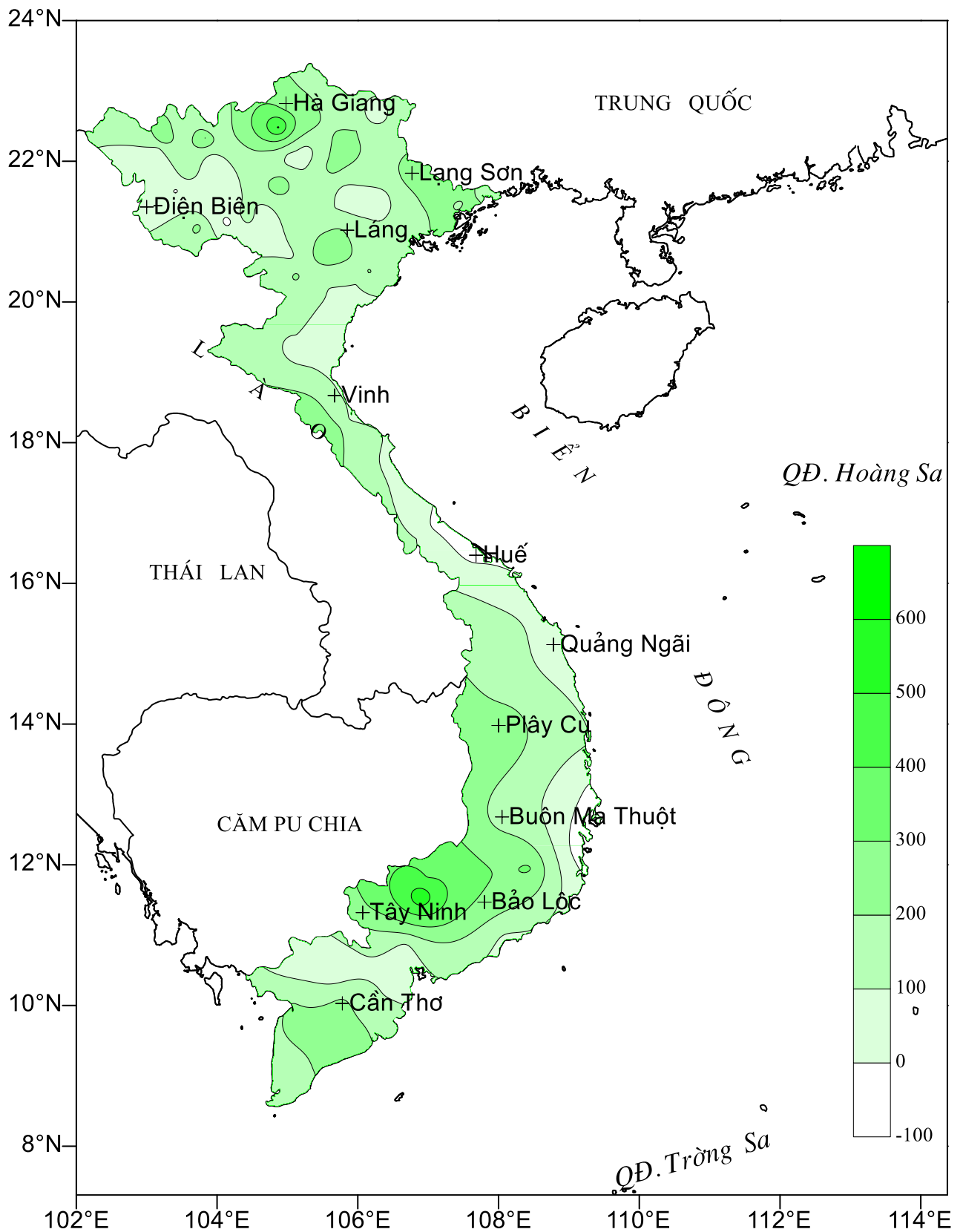
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng IX/2016 so với TBNN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng IX/2016 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng IX/2016 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng IX/2016 (mm)